

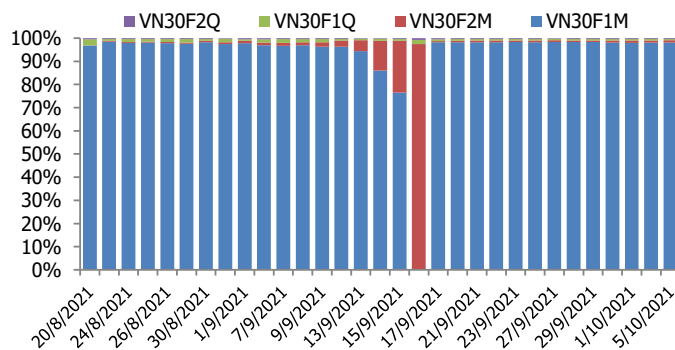
## BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



## THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ        | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI     |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2110 | 21/10/2021   | 16      | 1449.00  | 42,503 |
| VN30F2111 | 18/11/2021   | 44      | 1447.00  | 414    |
| VN30F2203 | 17/3/2022    | 163     | 1445.10  | 245    |
| VN30F2206 | 16/6/2022    | 254     | 1443.70  | 167    |

## TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Sau nhịp điều chỉnh phiên trước, thị trường đã bật tăng trở lại trong phiên giao dịch hôm nay với các HĐTL đóng cửa tăng từ 8,6 đến 9,1 điểm, thấp hơn mức tăng 12,6 điểm của chỉ số cơ sở VN30. Do đó, basis của các hợp đồng tiếp tục suy yếu so với phiên trước đó. Cụ thể, basis của VN30F2110 giảm xuống -7,21 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2111 cũng giảm xuống -9,21 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm nhẹ 14,7% so với phiên liền trước, đạt 271.520 hợp đồng được khớp lệnh.
- Dù lực cầu không quá mạnh, nhưng với sự trở lại của nhóm cổ phiếu ngân hàng và chứng khoán, VN-Index đã bật tăng trở lại, đóng cửa ở mức cao nhất ngày, lần đầu tiên đóng cửa trên đường MA20 kể từ ngày 27/9 và là phiên tăng điểm mạnh nhất kể từ ngày 9/8. Dải Bollinger Band bắt đầu có hướng mở lên trên, cho thấy tín hiệu tích cực, nhưng điểm trừ trong phiên hôm nay chính là thanh khoản sụt giảm khá mạnh so với hôm qua cho thấy dòng tiền lớn chưa sẵn sàng nhập cuộc.
- Thị trường phái sinh duy trì trạng thái đi ngang trong suốt 5 tuần vừa qua. Dao động hẹp kéo dài khiến xác suất của chiến lược giao dịch trong ngày đang ngày càng thấp dần. Đối với nhà đầu tư giao dịch theo xu hướng, bối cảnh kỹ thuật hiện tại không phải là thời điểm lý tưởng để giải ngân. Xu hướng chart theo 1h, daily đều đang sideway với các chỉ báo động lượng từ ADX tới MACD và RSI đều đang trong trạng thái trung tính. Nhà đầu tư cần bình tĩnh quan sát, chờ cơ hội khi chỉ số phá vỡ thể cân bằng hiện tại.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

### Chiến lược giao dịch trong ngày

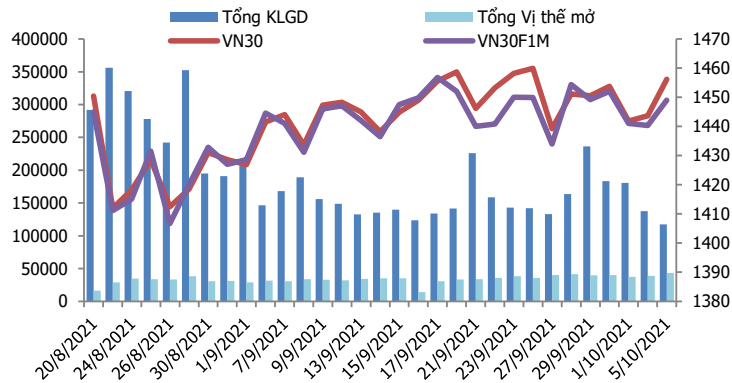
Dự kiến tình trạng rung lắc sẽ còn kéo dài trong những phiên tới. Chiến lược giải ngân cho vị thế mua trong những nhịp rung lắc, tăng tỷ trọng nếu chỉ số vượt qua 1455 điểm. Chiến lược short mở ra khi chỉ số tiến tới test ngưỡng cản theo khung chart 15m hoặc 1h.

### Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Hạn chế nắm giữ vị thế qua đêm khi xu thế giằng co vẫn chưa kết thúc.

### Chiến lược giao dịch spread

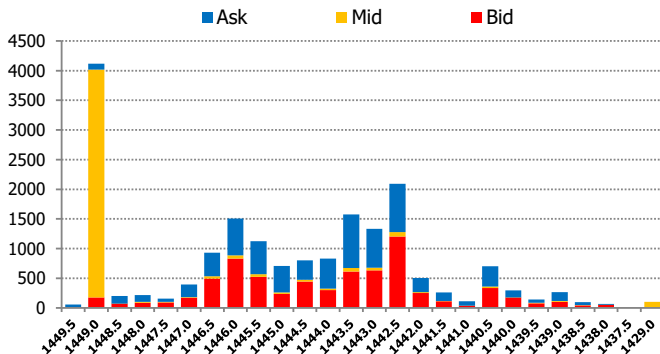
Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



**DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐT L CÁC KỲ HẠN**

| Hợp đồng    | Giá    | % Chg | KLGD    | % Chg | OI     | % Chg |
|-------------|--------|-------|---------|-------|--------|-------|
| VN30F2110   | 1449.0 | 0.60  | 116,988 | -14.7 | 42,503 | 11.2  |
| VN30F2111   | 1447.0 | 0.60  | 185     | -28.3 | 414    | 14.0  |
| VN30F2203   | 1445.1 | 0.63  | 18      | -28.0 | 245    | 5.2   |
| VN30F2206   | 1443.7 | 0.62  | 42      | -23.6 | 167    | -2.3  |
| <b>Tổng</b> |        |       | 117,233 | -14.7 | 43,329 | 11.1  |

**THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M**



**NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐT L**

- Sau nhịp điều chỉnh phiên trước, thị trường đã bật tăng trở lại trong phiên giao dịch hôm nay với các HĐTL đóng cửa tăng từ 8,6 đến 9,1 điểm, thấp hơn mức tăng 12,6 điểm của chỉ số cơ sở VN30. Do đó, basis của các hợp đồng tiếp tục suy yếu so với phiên trước đó.
- Thanh khoản thị trường phái sinh tiếp tục giảm so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt 117.233 hợp đồng, giảm 14,7%. Trong đó, thanh khoản tập trung tại hợp đồng tương lai tháng 10 với 116.988 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2110 là 1457,03 điểm (cao hơn 8,03 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2111 là 1458,48 điểm (+11,48 điểm), VN30F2112 là 1464,63 điểm (+19,53 điểm) và VN30F2203 là 1469,36 điểm (+25,66 điểm).

**XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M**

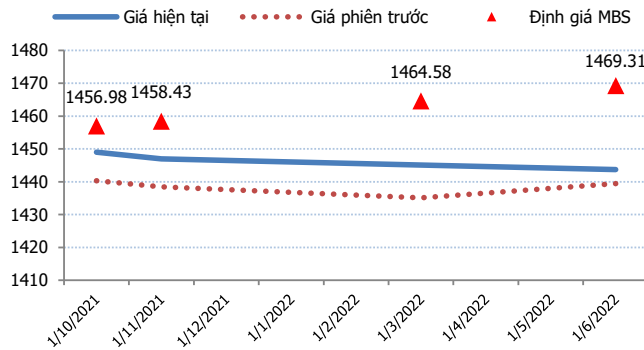
| Khung thời gian | 15m       | 1h        | Daily     |
|-----------------|-----------|-----------|-----------|
| Tổng kết        | BUY       | BUY       | NEUTRAL   |
| Hỗ trợ          | 1444-1448 | 1435-1438 | 1398-1405 |
| Kháng cự        | 1453-1455 | 1462-1467 | 1500-1512 |

**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M**

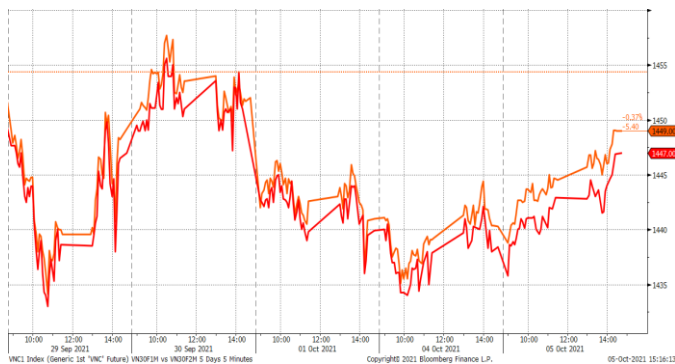


| Spread HĐTL       | Hiện tại | Phiên trước | +/-  | MA5   |
|-------------------|----------|-------------|------|-------|
| VN30F2M - VN30F1M | -2       | -1.90       | -0.1 | -1.64 |
| VN30F1Q - VN30F1M | -3.9     | -5.20       | 1.3  | -4.24 |
| VN30F1Q - VN30F2M | -1.9     | -3.30       | 1.4  | -2.6  |
| VN30F2Q - VN30F1M | -5.3     | -0.90       | -4.4 | -5.38 |
| VN30F2Q - VN30F2M | -3.3     | 1.00        | -4.3 | -3.74 |
| VN30F2Q - VN30F1Q | -1.4     | 4.30        | -5.7 | -1.14 |

**ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN**



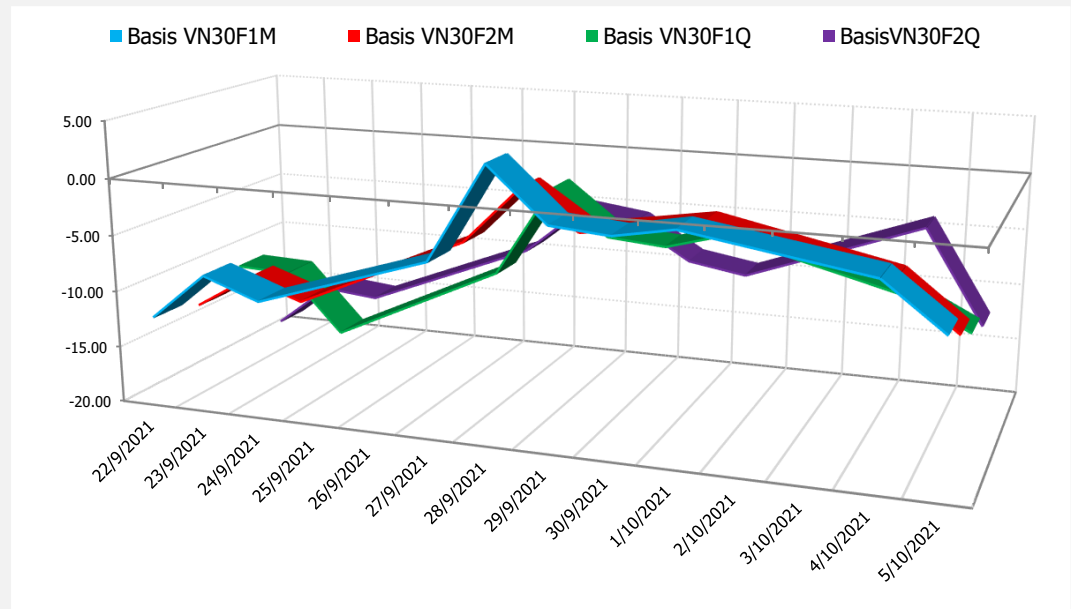
**DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M**



**NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL**

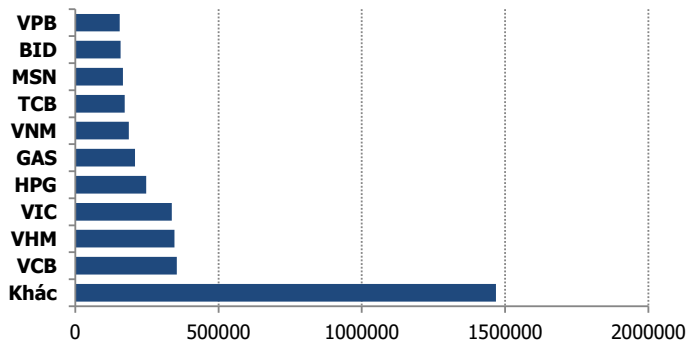
- Sau nhịp điều chỉnh phiên trước, thị trường đã bật tăng trở lại trong phiên giao dịch hôm nay với các HĐTL đóng cửa tăng từ 8,6 đến 9,1 điểm, thấp hơn mức tăng 12,6 điểm của chỉ số cơ sở VN30. Do đó, basis của các hợp đồng tiếp tục suy yếu so với phiên trước đó. Cụ thể, basis của VN30F2110 giảm xuống -7,21 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2111 cũng giảm xuống -9,21 điểm vào cuối phiên giao dịch hôm nay.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng co hẹp, hiện nằm trong khoảng -5,3 điểm đến -1,4 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2111-VN30F2110) giảm nhẹ xuống -2,0 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

**DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL**

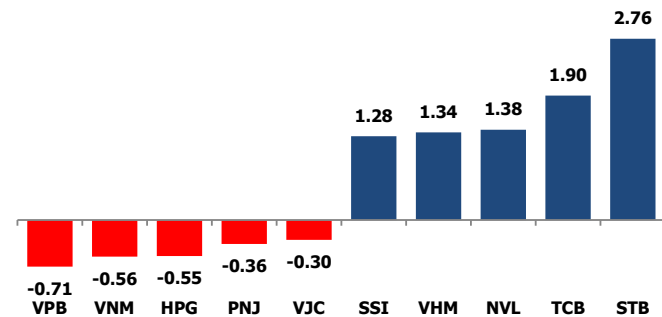


|                       | VNIndex | VN30   |
|-----------------------|---------|--------|
| Đóng cửa              | #NAME?  | #NAME? |
| Thay đổi              | #NAME?  | #NAME? |
| %Chg                  | #NAME?  | #NAME? |
| YTD                   | #NAME?  | #NAME? |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | #NAME?  | #NAME? |
| P/E                   | #NAME?  | #NAME? |
| P/B                   | #NAME?  | #NAME? |

**TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30**



**CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX**



**NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30**

- Thị trường bứt phá về điểm số chủ yếu nhờ đóng góp của nhóm trụ cột ngân hàng và chứng khoán, cùng một vài cổ phiếu lớn khởi sắc như GAS, VHM, SAB, NVL. Nhóm ngân hàng chỉ còn VPB giảm nhẹ, còn lại đều đóng cửa trong sắc xanh, với một số bật mạnh như STB +6% lên 25.750 đồng, CTG +2,8% lên 29.500 đồng, HDB +1,7% lên 24.500 đồng, ACB +1,6% lên 31.500 đồng, TCB +1,6% lên 49.100 đồng, còn lại BID, VCB, MBB, TPB tăng từ 1% đến 1,2%.

Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 12,6 điểm (+0,87%) lên 1445,21 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 186,91 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 8.868 tỷ đồng.

Giao dịch của khối ngoại góp phần tích cực cho thị trường khi trở lại mua ròng gần 500 tỷ đồng. Lực mua tập trung vào TPB (+1143 tỷ đồng), DCM (+42 tỷ đồng), DHC (+41 tỷ đồng), GAS (+27 tỷ đồng)...

**ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30**



| Chỉ số     | Điểm số | %Chg   | P/E    | YTD    |
|------------|---------|--------|--------|--------|
| VNIIndex   | #NAME?  | #NAME? | #NAME? | #NAME? |
| Dow Jones  | #NAME?  | #NAME? | #NAME? | #NAME? |
| S&P500     | #NAME?  | #NAME? | #NAME? | #NAME? |
| Nikkei 225 | #NAME?  | #NAME? | #NAME? | #NAME? |
| Shanghai   | #NAME?  | #NAME? | #NAME? | #NAME? |
| DAX        | #NAME?  | #NAME? | #NAME? | #NAME? |
| Vàng       | #NAME?  | #NAME? | #NAME? | #NAME? |
| Dầu WTI    | #NAME?  | #NAME? | #NAME? | #NAME? |

**LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI**

|                                 | Kỳ trước | Dự báo | Thực tế |
|---------------------------------|----------|--------|---------|
| <b>Thứ Hai - 04/10/2021</b>     |          |        |         |
| Nhật- CPI lõi                   | -0.30%   |        | 0.10%   |
| <b>Thứ Ba - 05/10/2021</b>      |          |        |         |
| Mỹ- PMI phi SX                  | 61.70    | 61.30  | 61.90   |
| <b>Thứ Tư -06/10/2021</b>       |          |        |         |
| Mỹ- Thay đổi việc làm           | 374K     | 475K   |         |
| Mỹ- Dự trữ dầu thô              | -3.481M  |        |         |
| <b>Thứ Năm - 07/10/2021</b>     |          |        |         |
| Mỹ- Đề nghị trợ cấp thất nghiệp | 351K     | 320K   |         |
| <b>Thứ Sáu - 08/10/2021</b>     |          |        |         |
| Mỹ- Tỷ lệ thất nghiệp           | 5.20%    | 5.10%  |         |
| <b>Thứ Hai - 11/10/2021</b>     |          |        |         |
|                                 |          |        |         |
|                                 |          |        |         |

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI**

- Các chỉ số chứng khoán chính của Mỹ phục hồi vào ngày thứ Ba (05/10), sau khi thị trường tháo chạy khỏi cổ phiếu công nghệ trong phiên trước đó. Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Ba, chỉ số Dow Jones tăng 311,75 điểm (tương đương 0,92%) lên 34.314,67 điểm. Chỉ số S&P 500 tiến 1,05% lên 4.345,72 điểm và chỉ số Nasdaq Composite cộng 1,25% lên 14.433,83 điểm.
- Giá dầu tăng, với dầu thô Mỹ đạt mức cao nhất kể từ năm 2014 và dầu Brent tăng lên mức cao nhất 3 năm, sau khi nhóm các nhà sản xuất OPEC+ khó thực hiện kế hoạch tăng sản lượng. Chốt phiên giao dịch ngày 5/10, dầu thô Brent tăng 1,3 USD tương đương 1,6% lên 82,56 USD/thùng.
- Giá vàng giảm mạnh 1,2%, do lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ và đồng USD tăng mạnh khiến vàng trở nên kém hấp dẫn, cùng với đó là các nhà đầu tư chờ đợi số liệu bảng lương phi nông nghiệp của Mỹ vào cuối tuần này. Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0,5% xuống 1.760,3 USD/ounce.

**NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30**

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 STB, TCB và NVL là những nhân tố chính giúp chỉ số VN30 tiếp tục tăng điểm. Trong đó, STB đóng góp 2,76 điểm cho chỉ số VN30.

Phân tích kỹ thuật STB



**DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30**

| Cổ phiếu | Ngành  | Tỷ trọng (%) | Giá     | %Chg  | H-L   | GTGD     | Điểm tác động | PE     | PB   |
|----------|--|--------------|---------|-------|-------|----------|---------------|--------|------|
| HPG      | Metals & Mining                                      | 10.38        | 55,300  | -0.36 | 1.45% | 1471.067 | -0.55         | 9.85   | 3.35 |
| TCB      | Banks  | 8.53         | 49,100  | 1.55  | 1.23% | 288.172  | 1.90          | 10.64  | 2.07 |
| VPB      | Banks  | 7.62         | 62,600  | -0.63 | 0.96% | 561.394  | -0.71         | 12.39  | 2.56 |
| VIC      | Real Estate Management & Development                 | 7.24         | 88,600  | 0.91  | 1.95% | 209.257  | 0.95          | 50.16  | 3.70 |
| VNM      | Food Products  | 5.71         | 89,600  | -0.67 | 0.78% | 203.71   | -0.56         | 19.60  | 5.92 |
| FPT      | Electronic Equipment, Instruments & Components       | 5.55         | 94,400  | -0.21 | 1.69% | 132.266  | -0.17         | 22.30  | 5.10 |
| ACB      | Banks  | 5.52         | 31,500  | 1.61  | 1.61% | 91.082   | 1.28          | 8.78   | 2.11 |
| VHM      | Real Estate Management & Development                 | 5.21         | 79,400  | 1.79  | 2.71% | 361.703  | 1.34          | 10.29  | 3.54 |
| MWG      | Specialty Retail                                     | 4.48         | 126,800 | 0.48  | 1.36% | 118.627  | 0.31          | 19.73  | 4.95 |
| MSN      | Food Products  | 4.45         | 141,200 | 0.00  | 1.64% | 84.909   | 0.00          | 79.02  | 7.81 |
| MBB      | Banks  | 4.34         | 27,400  | 1.11  | 1.29% | 257.856  | 0.69          | 9.91   | 1.94 |
| NVL      | Real Estate Management & Development                 | 4.11         | 104,400 | 2.35  | 3.94% | 298.975  | 1.38          | 29.03  | 4.57 |
| STB      | Banks  | 3.37         | 25,750  | 5.97  | 5.53% | 336.825  | 2.76          | 13.40  | 1.53 |
| VCB      | Banks  | 2.98         | 95,600  | 1.06  | 1.05% | 93.147   | 0.45          | 17.27  | 3.38 |
| VJC      | Airlines   | 2.70         | 130,800 | -0.76 | 1.93% | 106.421  | -0.30         | 469.48 | 4.18 |
| HDB      | Banks  | 2.61         | 24,500  | 1.66  | 2.50% | 27.937   | 0.62          | 9.27   | 1.87 |
| TPB      | Banks  | 2.08         | 42,500  | 1.19  | 2.40% | 392.553  | 0.36          | 10.12  | 2.25 |
| SSI      | Capital Markets                                      | 1.97         | 40,400  | 4.66  | 3.83% | 386.732  | 1.28          | 21.71  | 3.53 |
| CTG      | Banks  | 1.62         | 29,500  | 2.79  | 1.90% | 255.541  | 0.64          | 8.63   | 1.53 |
| VRE      | Real Estate Management & Development                 | 1.59         | 28,450  | 0.71  | 1.24% | 96.08    | 0.16          | 23.81  | 2.12 |
| PNJ      | Textiles, Apparel & Luxury Goods                     | 1.35         | 97,000  | -1.82 | 1.77% | 53.228   | -0.36         | 16.69  | 3.86 |
| KDH      | Real Estate Management & Development                 | 1.28         | 41,550  | 1.09  | 1.22% | 68.967   | 0.20          | 21.13  | 2.99 |
| PDR      | Capital Markets                                      | 1.25         | 84,000  | -1.52 | 2.03% | 304.336  | -0.28         | 28.97  | 7.33 |
| SAB      | Food Products  | 0.86         | 160,500 | 3.55  | 3.74% | 24.01    | 0.43          | 22.01  | 4.94 |
| GAS      | Gas Utilities  | 0.80         | 109,000 | 4.81  | 4.17% | 223.407  | 0.53          | 26.73  | 4.46 |
| PLX      | Oil, Gas & Consumable Fuels                          | 0.66         | 53,900  | 0.19  | 1.68% | 75.014   | 0.02          | 16.76  | 2.75 |
| BID      | Banks  | 0.48         | 39,300  | 1.03  | 1.41% | 28.659   | 0.07          | 15.95  | 1.94 |
| GVR      | Real Estate Management & Development                 | 0.46         | 37,500  | 1.08  | 2.02% | 113.056  | 0.07          | 31.77  | 3.10 |
| POW      | Independent Power and Renewable Electricity Producer | 0.46         | 12,750  | 0.79  | 2.79% | 283.86   | 0.05          | 11.82  | 1.01 |
| BVH      | Beverages  | 0.34         | 59,900  | 0.67  | 1.68% | 68.682   | 0.03          | 23.75  | 2.12 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30                      | Đặc điểm sản phẩm   |
|-----|---|---|
| 1   | <b>Mã hợp đồng</b>                              | VN30F-yy-mm   |
| 2   | <b>Tài sản cơ sở</b>                            | Chỉ số cổ phiếu VN30  |
| 3   | <b>Hệ số nhân hợp đồng</b>                      | 100.000 đồng  |
| 4   | <b>Quy mô 01 hợp đồng</b>                       | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30   |
| 5   | <b>Tháng đáo hạn</b>                            | - Tháng hiện tại<br>- Tháng tiếp theo<br>- Hai tháng cuối 2 quý gần nhất  |
| 6   | <b>Phương thức giao dịch</b>                    | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận   |
| 7   | <b>Thời gian giao dịch</b>                      | <b>GD Khớp lệnh định kỳ</b> - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45<br><b>GD khớp lệnh liên tục</b> - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30<br><b>GD Thỏa thuận</b> - 08h45 - 14h45                                      |
|     |   |   |
|     |   |   |
| 8   | <b>Các loại lệnh giao dịch</b>                  | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.  |
| 9   | <b>Nguyên tắc khớp lệnh</b>                     | Ưu tiên giá và thời gian.   |
| 10  | <b>Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh</b>      | 01 hợp đồng   |
| 11  | <b>Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh</b>         | 500 hợp đồng  |
| 12  | <b>Đơn vị yết giá/ Bước giá</b>                 | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng   |
| 13  | <b>Biên độ dao động</b>                         | +/- 7%  |
| 14  | <b>Ngày giao dịch cuối cùng</b>                 | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.  |
| 15  | <b>Ngày thanh toán cuối cùng</b>                | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.  |
| 16  | <b>Phương thức thanh toán</b>                   | Thanh toán bằng tiền  |
| 17  | <b>Giá thanh toán hàng ngày</b>                 | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.   |
| 18  | <b>Giá thanh toán cuối cùng</b>                 | Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.   |
| 19  | <b>Giá tham chiếu</b>                           | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.  |
| 20  | <b>Mở tài khoản</b>                             | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.                                    |
| 21  | <b>Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK</b> | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng   |
| 22  | <b>Mức ký quỹ ban đầu</b>                       | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23  | <b>Mức ký quỹ duy trì</b>                       | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.  |
| 24  | <b>Ký quỹ bổ sung</b>                           | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.  |
| 25  | <b>Thoát khỏi hợp đồng tham gia</b>             | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.   |

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

## MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội  
Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601  
[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)  
Hotline: **1900 9088**

## KHOẺ NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

|                |                          |  |
|----------------|--------------------------|--|
| Trần Hoàng Sơn | Trưởng bộ phận/Kiểm soát | <a href="mailto:son.tranhoang@mbs.com.vn">son.tranhoang@mbs.com.vn</a> |
| Phạm Văn Quỳnh | Chuyên viên nghiên cứu   | <a href="mailto:quynh.phamvan@mbs.com.vn">quynh.phamvan@mbs.com.vn</a> |
| Nguyễn Hòa Hợp | Chuyên viên nghiên cứu   | <a href="mailto:hop.nguyenhoa@mbs.com.vn">hop.nguyenhoa@mbs.com.vn</a> |